

TÌNH HÌNH KINH TẾ XÃ HỘI

Tháng 04 và 4 tháng năm 2012

I. CÔNG NGHIỆP

Chỉ số phát triển sản xuất công nghiệp tháng 4 ước tăng 2% so tháng trước, tăng 12,8% so với cùng kỳ năm 2011. **Bốn tháng ước tăng 3,9% so cùng kỳ.** Trong đó công nghiệp khai thác mỏ tăng 4,6%, công nghiệp chế biến tăng 4,3%.

Chỉ số phát triển công nghiệp của một số ngành chủ yếu

	Đơn vị tính: %	
	Tháng 4 so với tháng 3/2012	4 tháng so với cùng kỳ
Tổng số	102,0	103,9
Phân theo ngành cấp 1		
1. Công nghiệp khai thác mỏ	102,1	104,6
2. Công nghiệp chế biến	101,9	104,3
3. SX, tập trung và phân phối điện, ga, nước	103,7	95,9
Một số ngành chủ yếu		
1. Sản xuất bơ, sữa	94,6	120,6
2. Sản xuất bia và mạch nha	100,7	104,6
3. Sản xuất quần áo	105,3	96,1
4. Giày, dép	102,8	104,9
5. In	101,5	114,6
6. Sản phẩm từ plastic	103,9	103,9
7. Sản xuất xi măng, vôi, vữa	104,3	82,1
8. Sản xuất sắt, thép	98,3	117,2

Trong 28 ngành sản xuất có 11 ngành tăng so cùng kỳ, trong đó có 8 ngành sản xuất tăng cao hơn mức tăng bình quân chung của ngành. Sản xuất sản phẩm khác từ cao su (+41,5%); sản xuất bơ, sữa (+20,6); sản xuất sắt, thép (+17,2%); in (+14,6); sản xuất bột giấy, giấy và bì (+11,5%); sản xuất giày, dép (+4,9%)...

Các ngành sản xuất giảm so cùng kỳ là: xi măng, vôi, vữa (-17,9%); sản xuất thuốc lá (-6,9%); quần, áo (-3,9%), đồ uống không cồn (-1,5%)...

II. NÔNG, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN

1. Trồng trọt

* **Vụ Đông xuân:** diện tích gieo trồng lúa đạt 6.151,9 ha, tăng 12,2% so với cùng kỳ năm 2011; riêng tại huyện Củ Chi chiếm 84,7% diện tích và đã thu hoạch trên 2.878 ha.

Diện tích gieo trồng: Rau 5.977 ha, tăng 16,8%; bắp 765 ha.

* **Vụ Hè thu:** xuống giống được 269 ha lúa và trồng được 660 ha rau.

2. Chăn nuôi: Hiện nay ngành thú y của thành phố tiếp tục tập trung bình tuyển, lập lý lịch cho đàn bò sữa: đã gắn số cho 1.091 con. Khảo sát sinh sản, phối giống, năng suất bò sữa được 1.881 con; khảo sát, đánh giá chất lượng đời sau các dòng tinh bò sữa được 444 bê.

Giám định đạt kết quả 159 heo đực giống tại các xí nghiệp chăn nuôi để khai thác tinh nhân giống đàn heo.

3. Thủy sản (tại huyện Cần Giờ)

Sản lượng thủy sản tháng 4 ước thực hiện 3.502 tấn thủy sản các loại, tăng 23,3% so tháng trước và tăng 22,1% so với cùng kỳ năm trước (trong đó tôm 1.740 tấn, nhuyễn thể 125 tấn, hải sản các loại 1.637 tấn). Sản lượng đánh bắt 1.825 tấn, giảm 14,1%; sản lượng nuôi trồng 1.677 tấn, gấp 2,2 lần so với tháng 4/2011.

Tổng sản lượng thủy sản 4 tháng đầu năm ước đạt 11.928 tấn, tăng 17,3% so cùng kỳ. Sản lượng nuôi trồng đạt 5.168 tấn, tăng 78,6%; sản lượng khai thác 6.760 tấn, giảm 7,1%.

Về tình hình thả nuôi tôm, tính đến ngày 6/4/2012 đã có 530 lượt hộ thả nuôi 54,6 triệu **tôm sú** giống trên diện tích 3.157,1 ha; 888 lượt hộ thả nuôi **tôm thẻ** chân trắng trên diện tích 884,7 ha với 521,1 triệu tôm giống. So với cùng thời điểm năm trước, số hộ thả nuôi tăng 44% (trong đó tôm sú giảm 2%)

III. ĐẦU TƯ

1. Đầu tư xây dựng:

Tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn 4 tháng ước thực hiện 23.800 tỷ đồng, tăng 9,2% so với cùng kỳ, có tốc độ tăng chậm hơn cùng kỳ năm trước (4 tháng/2011 tăng 14,2%).

Tổng vốn xây dựng thuộc ngân sách thành phố 4 tháng ước thực hiện 3.469,4 tỷ đồng, tăng 8,4% so với cùng kỳ. Cấp thành phố ước thực hiện 2.002,9 tỷ đồng, chiếm 57%; cấp quận huyện ước thực hiện 1.466,5 tỷ đồng, chiếm 43%.

Vốn đầu tư thực hiện từ ngân sách địa phương

Thực hiện 4 tháng

So với cùng kỳ

	(tỷ đồng)	2011(%)
Tổng vốn đầu tư	3.469,4	108,4
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	331,4	87,6
Cấp thành phố	2.002,9	124,9
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	185,7	153,7
Cấp quận huyện	1.466,5	92,0
Trong đó: Vốn sửa chữa lớn	145,7	56,8

Tháng 4, các dự án có nguồn vốn (ODA) khối lượng thực hiện khá cao như: dự án cải thiện môi trường nước giai đoạn 1; dự án nâng cấp đô thị... và những dự án khác như: dự án Bồi thường giải phóng mặt bằng công viên Hồ Khánh Hội, quận 4; các dự án kết nối với cầu Phú Mỹ...

Nhìn chung 4 tháng đầu năm nay khối lượng thực hiện có tốc độ tăng khá 8,4%, cao hơn cùng kỳ năm trước (4 tháng năm 2011 tăng 8,3%).

Tình hình thực hiện một số công trình trọng điểm:

- Dự án đường cao tốc TP. HCM – ngã ba Dầu Giây: quận 2 đang tiến hành đền bù giải tỏa;

- Dự án cầu Rạch Chiếc: Tiến độ thực hiện chậm;

- Dự án tuyến đường sắt đô thị Bến Thành - Suối Tiên và mở rộng xa lộ Hà Nội: Phần giải tỏa còn một số hộ dân ở quận 9 và Thủ Đức chưa thực hiện được; đang di dời các công trình hạ tầng kỹ thuật tại nơi đã xong phần giải tỏa.

- Dự án đường vành đai Tân Sơn Nhất- Bình Lợi: tiến độ thi công chậm do chưa hoàn thiện phần giải tỏa mặt bằng.

2. Tình hình cấp phép xây dựng và sửa chữa lớn nhà ở hộ dân cư:

Tính đến ngày 31 tháng 3, toàn thành phố đã cấp 7.858 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn, với diện tích sàn 1.421,4 ngàn m². Trong đó cấp cho xây dựng mới 7.044 giấy phép, với diện tích 1.310,1 ngàn m² và 814 giấy phép sửa chữa lớn, với diện tích 81,3 ngàn m².

So với cùng kỳ bằng 89% về giấy phép (-916 giấy phép) và bằng 90% về diện tích (-151,3 ngàn m²).

3. Cấp phép đầu tư nước ngoài

Từ đầu năm đến ngày 15/4, có 103 dự án có vốn nước ngoài được cấp phép, tổng vốn đầu tư đăng ký là 74,6 triệu USD, vốn đầu tư bình quân một dự án 724,2 ngàn USD, vốn điều lệ 44,3 triệu USD. Theo hình thức đầu tư: Liên doanh 26 dự án, vốn đầu tư 12,8 triệu USD, 100% vốn nước ngoài 77 dự án, vốn đầu tư 61,8 triệu USD.

- Chia theo lĩnh vực đầu tư: Dẫn đầu về vốn là ngành công nghiệp 12 dự án, vốn đầu tư 26,5 triệu USD (chiếm 35,6% tổng vốn đầu tư); ngành thương mại 31 dự án, vốn đầu tư 25,1 triệu USD; ngành xây dựng 10 dự án, vốn đầu tư 7,6 triệu USD, ngành thông tin và truyền thông 18 dự án, vốn đầu tư 2,7 triệu USD; hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ 22 dự án, vốn đầu tư 7,6 triệu USD; ngành y tế và hoạt

động trợ giúp xã hội 1 dự án, vốn đầu tư 2,5 triệu USD;...

- Chia theo đối tác đầu tư: Nhật Bản đứng đầu về vốn và số dự án được cấp mới, có 25 dự án với vốn đầu tư 17,9 triệu USD; Singapore 15 dự án, vốn đầu tư 10,9 triệu USD; Pháp 5 dự án, vốn đầu tư 10,1 triệu USD; Áo 1 dự án, vốn đầu tư 9 triệu USD; Hàn Quốc 12 dự án, vốn đầu tư 4,5 triệu USD; Trung Quốc 5 dự án, vốn đầu tư 3,9 triệu USD; Hoa Kỳ 4 dự án, vốn đầu tư 3,5 triệu USD;...

Có 28 dự án điều chỉnh vốn đầu tư tăng 457,9 triệu USD (riêng dự án Quảng Trường Thời Đại tăng 375,3 triệu USD). Tính đến ngày 15/4, tổng vốn cấp mới và điều chỉnh đạt 532,5 triệu USD.

13 dự án giải thể, rút phép và chuyển đi tỉnh thành phố khác với tổng vốn đầu tư 1.257,1 triệu USD, trong đó có dự án công ty TA Associates Việt Nam rút phép trước thời hạn do không thực hiện dự án công viên phần mềm Thủ Thiêm, vốn đầu tư 1.207,8 triệu USD, dự án Công ty CP Căn Hộ Hàn Quốc, vốn đầu tư 43,7 triệu USD.

Số dự án còn hiệu lực hoạt động có đến ngày 15/4 trên địa bàn thành phố là 4.200 dự án với tổng vốn đầu tư 30,8 tỷ USD.

IV. THƯƠNG MẠI, GIÁ CẢ

1. Nội thương:

Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ trên địa bàn thành phố tháng 4 ước đạt 43.538 tỷ đồng, tăng 3% so với tháng trước và tăng 23,5% so với tháng 4/2011. Khu vực kinh tế trong nước chiếm 96,8%, khu vực kinh tế nước ngoài chiếm 3,2% trong tổng mức tiêu thụ.

Dự ước 4 tháng đầu năm, **tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ đạt 170.965 tỷ đồng, tăng 20,6% so với 4 tháng cùng kỳ năm 2011.**

- + Kinh tế nhà nước 36.177 tỷ đồng, tăng 16,2%;
- + Kinh tế ngoài nhà nước 129.633 tỷ đồng, tăng 21,8%;
- + Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài 5.155 tỷ đồng, tăng 22%.

Mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ phân theo ngành hàng

	Ước thực hiện 4 tháng (Tỷ đồng)			% so sánh 4 tháng so với cùng kỳ		
	Trên địa bàn	K.té trong nước	K.té có vốn ĐTNN	Trên địa bàn	K. té trong nước	K.té có vốn ĐTNN
Tổng mức	170.965	165.810	5.155	120,6	120,6	122,0
Tr.đó: Thương nghiệp	139.298	137.994	1.303	120,3	120,1	140,5
Khách sạn	2.849	1.500	1.349	114,7	119,5	109,7
Nhà hàng	15.224	14.859	365	120,7	120,6	126,9
Dịch vụ du lịch lữ hành	5.583	5.242	341	132,5	133,1	123,7

Nếu như loại trừ yếu tố biến động giá, lượng hàng tiêu dùng trong 4 tháng đầu năm tăng 6,3% so với 4 tháng đầu năm 2011 (cùng kỳ năm 2011 tăng 10,6%).

* **Về tình hình du lịch:** Mặc dù chi phí giá tour tăng cao hơn các năm trước, nhưng trong tháng thời gian nghỉ dài và cùng với sự tăng cường tiếp thị của các công ty kinh doanh du lịch nên hầu hết các tour đi ngoại tỉnh và nước ngoài đã được đặt kín chỗ vào thời điểm 2 tuần trước kỳ nghỉ.

Tổng doanh thu du lịch (bao gồm doanh thu lữ hành và khách sạn) ước 4 tháng đạt 8.432 tỷ đồng tăng 25,9%; trong đó doanh thu khách sạn chiếm 33,8%, tăng 14,7%

2. Giá cả

Chỉ số giá hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng **tháng 4 tăng 0,08% so với tháng trước** và là tháng có mức tăng thấp nhất trong 20 tháng đã qua. Có 6/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ có mức giá tăng, trừ nhóm “giao thông” có mức tăng khá cao (tăng 2,81% do việc điều chỉnh tăng giá xăng dầu vào tháng trước); 4 nhóm còn lại đều có mức tăng không đáng kể: “may mặc, mũ nón giày dép” tăng 0,21%; “thiết bị, đồ dùng gia đình” tăng 0,15%, “bưu chính viễn thông” tăng 0,1%, nhóm “ giáo dục” tăng 0,01% và “văn hóa, giải trí và du lịch” tăng 0,02%. 5/11 nhóm hàng có mức giá giảm: “hàng ăn và dịch vụ ăn uống” giảm 0,44%, “nhà ở, điện nước và chất đốt” giảm 0,25%, “thuốc và dịch vụ y tế” giảm 0,04% và “hàng hóa và dịch vụ khác” giảm 0,26%.

Một số nhóm mặt hàng có mức biến động giá lớn so với tháng trước: Gia súc tươi sống (-3,01%); gia cầm tươi sống (-0,63%); thịt chế biến (-0,59%); trứng các loại (-0,94%); dầu mỡ ăn (-1,46%); thủy hải sản tươi sống (+0,25%); Thủy hải sản chế biến (-0,33%); rau các loại (-0,49%); trái cây các loại (+2,03%) nhiên liệu (+5,45%).

So với tháng 4/2011 chỉ số giá tiêu dùng tăng 9,68% (cùng kỳ năm trước tăng 13,99%). 3 nhóm hàng có mức tăng giá cao hơn mức tăng bình quân chung là “hàng ăn và dịch vụ ăn uống” (+12,58%), “nhà ở, điện nước, chất đốt và VLXD” (+11,26%), “hàng hóa và dịch vụ khác” (+9,99%). 1 nhóm có mức giá giảm là “bưu chính viễn thông” (giảm 3,04%).

So với tháng 12/2011, chỉ số giá tiêu dùng tăng 2,43% (thấp hơn mức tăng 8,2% của tháng 4/2011).

Chỉ số giá tiêu dùng, giá vàng và tỷ giá USD

	Đơn vị tính: %			
	Tháng 4 so với tháng trước		Tháng 4 so với tháng 12 năm trước	
	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2011	Năm 2012
1. Chỉ số giá tiêu dùng	103,16	100,08	108,20	102,43
Trong đó: Lương thực	101,23	99,67	104,50	98,40
Thực phẩm	106,19	99,45	112,78	100,96
2. Chỉ số giá vàng	98,53	99,77	102,98	97,16
3. Chỉ số giá USD	97,52	100,22	100,16	98,16

Giá bình quân 4 tháng đầu năm 2012 tăng 13,44% so với mức giá bình quân của 4 tháng cùng kỳ năm 2011. Một số nhóm mặt hàng có mức tăng trên 20% là: Thịt gia súc tươi sống (+26,57%), dầu ăn và chất béo (+28,92) thủy hải sản chế biến

(+30,05%), ăn uống ngoài gia đình (+23,12%), đồ dùng bằng nhựa và cao su (+23,31%), ga và các loại chất đốt khác (+23,16%), nhiên liệu (+20,35%); giá dịch vụ giao thông công cộng (+29,34%) ...

V. XUẤT, NHẬP KHẨU

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá 4 tháng đầu năm (không tính dầu thô) đạt 14.660,1 triệu USD, tăng 887,4 triệu USD so với 4 tháng đầu năm 2011 (tăng 6,4%). Khu vực kinh tế trong nước chiếm 66,1%, tăng 3,4%; khu vực kinh tế có vốn nước ngoài chiếm 33,9%, tăng 12,9%.

1. Xuất khẩu:

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp trên địa bàn tháng 4 ước đạt 2.305,6 triệu USD, giảm 0,7% so với tháng 3; Khu vực kinh tế trong nước giảm 1,4%, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng 0,9%. **Nếu không tính giá trị của dầu thô, trị giá xuất khẩu đạt 1.620,6 triệu USD, tăng 1,1% so với tháng trước và tăng 11,3% so với tháng 4/2011.**

Trong 4 tháng đầu năm, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 8.524,8 triệu USD, tăng 5,5% so với cùng kỳ 2011; **Loại trừ trị giá dầu thô trị giá còn lại là 6.165,1 triệu USD, tăng 8,9%; trong đó khu vực nhà nước tăng 5%.**

Mức xuất khẩu của các thành phần kinh tế (không tính dầu thô)

	Kim ngạch (Triệu USD)		% so sánh	
	Tháng 4	4 tháng	Tháng 4 với tháng 3	4 tháng với cùng kỳ 2011
Tổng số	1.620,6	6.165,1	101,1	108,9
Kinh tế Nhà nước	385,3	1497,4	102,8	105,0
Kinh tế tập thể	2,3	8,7	101,1	107,2
Kinh tế tư nhân	537,0	2.174,0	100,1	107,2
Kinh tế có vốn nước ngoài	696,0	2.485,0	100,9	113,0

Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của khu vực kinh tế trong nước trong 4 tháng đầu năm và mức tăng, giảm so với cùng kỳ năm trước.

+ Gạo: 263,7 triệu USD, chiếm 7,2% trong trị giá xuất khẩu hàng hóa khu vực trong nước không kể dầu, giảm 55,5% so cùng kỳ (lượng giảm 57,1%, giá bình quân 4 tháng tăng 3,9% so với cùng kỳ năm trước.

+ Thủy sản: 133,7 triệu USD, tăng 7,7%;

+ Sữa: 77 triệu USD, gấp 2,4 lần ;

+ May mặc: 738,8 triệu USD, là mặt hàng có trị giá xuất khẩu lớn nhất trong 4 tháng đầu năm (chiếm 20%), tăng 8,8%. Doanh nghiệp tiếp tục gặp khó khăn do chi phí sản xuất tăng cao và điều kiện qui trình kỹ thuật của người đặt hàng.

+ Giày dép: 192,5 triệu USD, chiếm tỷ trọng 5,2%, tăng 8,4%.

+ Dầu thô: 2.359,7 triệu USD, giảm 2,57% (lượng giảm 14,2%, giá bình quân tăng 13,5%).

2. Nhập khẩu:

Kim ngạch nhập khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố tháng 4 ước thực hiện 2.263,0 triệu USD, tăng 1,1% so với tháng trước và giảm 3,7% so với tháng 4/2011.

Ước tính 4 tháng đầu năm **kim ngạch hàng hoá nhập khẩu ước thực hiện 8.495 triệu USD, tăng 4,7% so với cùng kỳ năm trước.**

Mức nhập khẩu của các thành phần kinh tế

	Kim ngạch (Triệu USD)		% so sánh	
	Tháng 4	4 tháng	Tháng 4 với tháng 3	4 tháng với cùng kỳ 2011
Tổng số	2.263,0	8.495,0	101,1	104,7
Kinh tế Nhà nước	678,4	2.539,6	101,2	101,8
Kinh tế tập thể	0,6	3,7	102,0	104,3
Kinh tế tư nhân	905,0	3.462,9	101,0	101,7
K.tế có vốn nước ngoài	679,0	2.488,8	101,0	112,8

Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu 4 tháng của khu vực kinh tế trong nước và so sánh với cùng kỳ năm trước:

- Sữa và sản phẩm sữa 247,4 triệu USD, tăng 66,4%;
- Nhiên liệu 469,7 triệu USD, giảm 15,4%;
- Nguyên phụ liệu may 318,9 triệu USD, tăng 9,1%;
- Sắt thép 57,3 triệu USD, giảm 16,8%;
- Phụ liệu giày dép 61,4 triệu USD, tăng 8,7 %;
- Tân dược 280,9 triệu USD, tăng 0,6%.

VI. VẬN TẢI

1. Vận tải hàng hóa và hành khách:

Tổng doanh thu vận tải (thuần túy) tháng 4 ước đạt tỷ 3.762,2 tỷ đồng, tăng 7,3% so với tháng trước và tăng 37,7 % so với tháng 4/2011. Tổng doanh thu của 4 tháng đầu năm đạt 13.499,5 tỷ đồng, tăng 29,3% so với cùng kỳ năm trước; trong đó khu vực kinh tế nhà nước chiếm 17,6%, tăng 24,8%.

**Doanh thu vận chuyên hàng hóa và hành khách
4 tháng đầu năm**

	Doanh thu (tỷ đồng)		% so sánh 4 tháng với cùng kỳ 2011	
	Hàng hóa	Hành khách	Hàng hóa	Hành khách
Tổng số	8.812,4	4.687,1	126,2	135,3
<i>*Phân theo khu vực kinh tế</i>				
Kinh tế nhà nước	2.021,9	348,3	124,7	125,3
Kinh tế ngoài nhà nước	6701,7	3.402,4	126,7	144,0
Kinh tế có vốn nước ngoài	88,9	936,5	128,6	113,7
<i>*Phân theo phương tiện vận tải</i>				
Trong đó : Đường bộ	4.500,8	3.825,9	127,8	143,6
Đường sông	779,7	71,9	127,8	132,3
Đường biển	3.494,6		123,8	

Doanh thu vận tải hàng hóa ước tháng 4 ước đạt 2.539,7 tỷ đồng, tăng 8,5% so với tháng trước; tính chung 4 tháng đạt 8.812,4 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 65,3% trong tổng doanh thu vận chuyên, tăng 26,2%. Doanh thu ngành vận tải đường biển chiếm tỷ trọng 39,7% trong doanh thu vận chuyên hàng hóa và tăng 23,8% so với 4 tháng cùng kỳ năm trước.

Doanh thu vận tải hành khách tháng 4 ước đạt 1.222,5 tỷ đồng, tăng 4,9% so với tháng trước; 4 tháng ước đạt 4.687,1 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 34,7% trong tổng doanh thu vận chuyên, tăng 35,3% so với cùng kỳ. Trong đó đường bộ chiếm 81,6% doanh thu của ngành này và tăng 43,6%.

2. Hàng hóa qua cảng:

Lượng hàng hóa thông qua cảng biển và cảng sông của thành phố tháng 4 ước đạt 6.130,4 nghìn tấn, tăng 0,4% so với tháng trước và tăng 19,9% so với tháng 4/2011. Bốn tháng ước đạt 21.367,2 nghìn tấn, tăng 15,6% so với 4 tháng/2011; trong đó hàng hoá xuất khẩu 7.907 ngàn tấn, chiếm 37%, tăng 12,9%; hàng nhập khẩu 10.000 ngàn tấn, chiếm 46,8%, tăng 12,9%. Hàng qua cảng biển chiếm 96% sản lượng, tăng 16,4%; qua cảng sông chiếm 4%, giảm 0,2% so với cùng kỳ..

Hàng hoá thông qua cảng

	Ước thực hiện (nghìn tấn)		% so sánh	
	Tháng 4	4 tháng	Tháng 4 so tháng 3	4 tháng so cùng kỳ 2011
Tổng số	6.130,4	21.367,2	100,4	115,6
<i>* Phân theo loại cảng</i>				
Cảng biển	5.866,4	20.519,1	100,8	116,4
Cảng sông	264,0	848,1	91,3	99,8

* Phân theo loại hàng bốc xếp

Hàng xuất khẩu	2.234,2	7.907,0	100,8	112,9
Hàng nhập khẩu	2.804,0	10.000,3	100,6	112,9
Hàng nội địa	1.092,2	3.459,9	98,9	132,1

Doanh thu bốc xếp hàng hóa tháng 4 ước đạt 575,5 tỷ đồng, tăng 3,5% so với tháng trước và tăng 19% so với tháng 4/2011. Dự ước 4 tháng đầu năm đạt 2.051,3 tỷ đồng, tăng 21,6% so với cùng kỳ năm trước.

VII. TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

1. Tài chính:

Tổng thu ngân sách Nhà nước 4 tháng ước thực hiện 69.501 tỷ đồng, đạt 29,7% dự toán, giảm 6,4% so cùng kỳ. Trong đó thu nội địa đạt 40.606 tỷ đồng, đạt 32,9% dự toán, giảm 1,2% so cùng kỳ; thu từ dầu thô đạt 9.242 tỷ đồng, đạt 37% dự toán, giảm 19,5%; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 19.000 tỷ đồng, đạt 24,1% dự toán, giảm 9,6%.

Thu ngân sách trên địa bàn

	Năm 2012 (Tỷ đồng)		% thực hiện 4 tháng năm 2012 so với	
	Dự toán	Ước TH 4 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2011
Tổng thu	233.682	69.501	29,7	93,6
Tổng thu cân đối ngân sách NN	227.200	68.849	30,3	93,5
I- Thu nội địa	123.300	40.606	32,9	98,8
Trong đó:				
1. Doanh nghiệp nhà nước	26.800	9.026	33,7	99,1
2. Khu vực ngoài nhà nước	33.700	10.190	30,2	106,2
3. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	31.000	9.642	31,1	107,4
II- Thu hoạt động xuất nhập khẩu	78.900	19.000	24,1	90,4

Thu từ doanh nghiệp nhà nước 4 tháng ước đạt 9.026 tỷ đồng, chiếm 22,2% tổng thu nội địa, giảm 0,9% so cùng kỳ. Trong đó: Nhà nước trung ương ước thực hiện 5.407 tỷ đồng, tăng 0,1%; Nhà nước địa phương 3.619 tỷ đồng, giảm 2,3%. Thu từ khu vực ngoài nhà nước 10.190 tỷ đồng, chiếm 25,1%, tăng 6,2% so cùng kỳ. Thu từ khu vực đầu tư nước ngoài đạt 9.642 tỷ đồng, chiếm 23,7%, tăng 7,4%. Thu khác đạt 11.747 tỷ đồng, giảm 12,6%; trong đó thuế thu nhập cá nhân đạt 7.068 tỷ đồng, tăng 25,5%.

Thu ngân sách nhà nước địa phương 4 tháng ước đạt 16.066 tỷ đồng, đạt 37,5% dự toán, giảm 2,9% so cùng kỳ.

Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) 4 tháng ước thực hiện 14.551 tỷ đồng, đạt 34% dự toán, tăng 6,1% so cùng kỳ.

Chi ngân sách địa phương

	Năm 2012 (Tỷ đồng)		% thực hiện 4 tháng năm 2012 so với	
	Dự toán	Ước TH 4 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm 2011
Tổng chi (trừ tạm ứng)	42.810	14.551	34,0	106,1
Trong đó:				
I- Chi đầu tư phát triển	11.400	7.921	69,5	93,5
Trong đó: trả lãi và vốn vay	1.162	134	11,5	83,3
II- Chi thường xuyên	23.800	6.023	25,3	115,3
Trong đó: Sự nghiệp kinh tế	3.836	681	17,8	102,4
Sự nghiệp giáo dục đào tạo	6.441	1.494	23,2	120,5
Sự nghiệp y tế	2.519	664	26,4	105,8
Quản lý hành chính	3.259	967	29,7	119,2

Chi thường xuyên đạt 6.023 tỷ đồng, tăng 15,3% so cùng kỳ. Trong đó: sự nghiệp kinh tế 681 tỷ đồng, tăng 2,4%; sự nghiệp giáo dục đào tạo 1.494 tỷ đồng, tăng 20,5%; sự nghiệp y tế 664 tỷ đồng, tăng 5,8%; quản lý hành chính tăng 19,2%; đảm bảo xã hội tăng 37,4%; sự nghiệp nghiên cứu khoa học tăng 67,7%.

Tổng chi ngân sách nhà nước địa phương kể cả tạm ứng 4 tháng ước đạt 27.456 tỷ đồng, đạt 64,1% dự toán, tăng 5,4% so cùng kỳ.

2. Tín dụng ngân hàng:

- Tổng vốn huy động trên địa bàn thành phố đến cuối tháng 4 ước đạt 905,3 ngàn tỷ đồng, tăng 0,8% so tháng trước, tăng 14,6% so cùng kỳ. Vốn huy động của các Ngân hàng Thương mại cổ phần chiếm 58% tổng vốn huy động, tăng 12,4% so cùng kỳ. Vốn huy động bằng ngoại tệ chiếm 22,7%, giảm 10,9% so cùng kỳ. Vốn huy động VNĐ chiếm 77,3% tổng vốn huy động, tăng 25,1% so cùng kỳ, trong đó tiền gửi tiết kiệm tăng 25,4%, chiếm 38,8%.

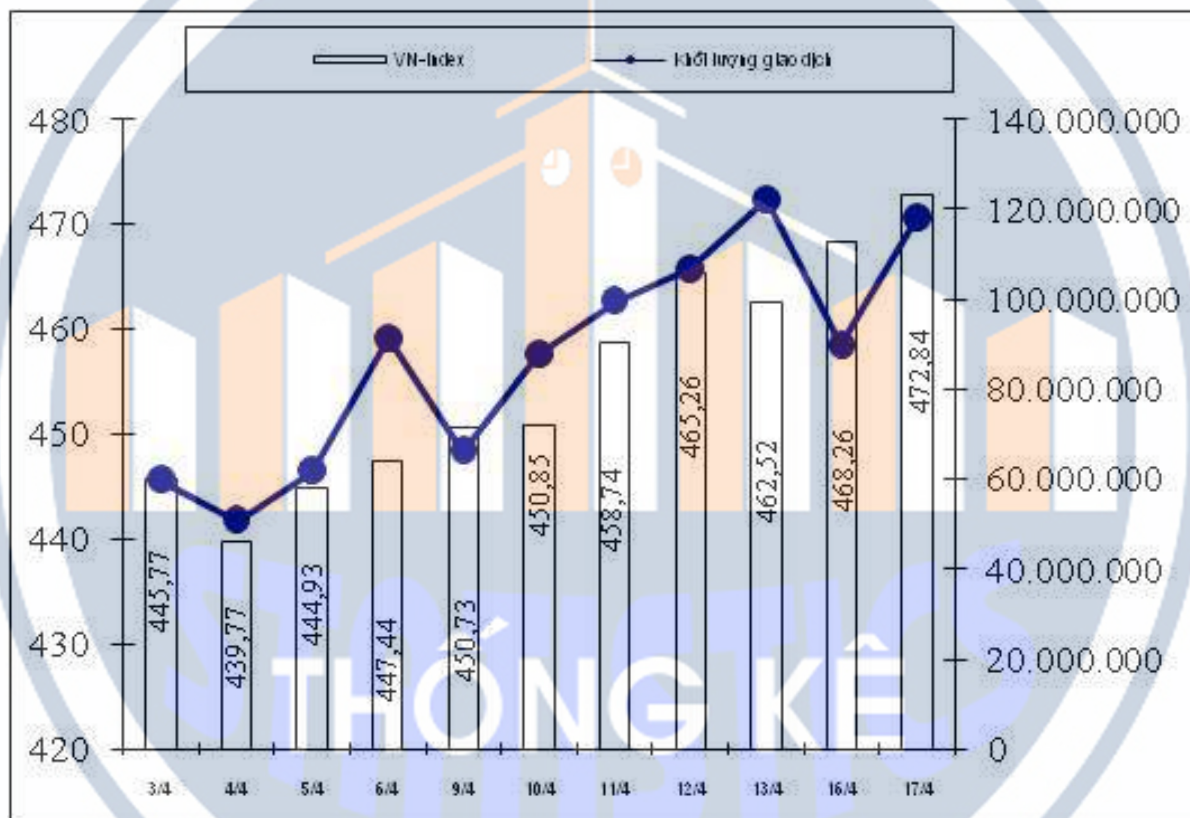
- Tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn thành phố đến cuối tháng 4 ước đạt 760 ngàn tỷ đồng, tăng 0,9% so tháng trước, tăng 2,5% so cùng kỳ. Dư nợ tín dụng của các Ngân hàng Thương mại cổ phần đạt 381,5 ngàn tỷ đồng, chiếm 50,2% tổng dư nợ, tăng 0,6% so cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng ngoại tệ đạt 206,1 ngàn tỷ đồng, chiếm 27,1% tổng dư nợ, giảm 5,8% so cùng kỳ. Dư nợ tín dụng bằng VNĐ chiếm 72,9% tổng dư nợ, tăng 5,9% so cùng kỳ. Dư nợ tín dụng trung dài hạn chiếm 43,6%, giảm 1,8%. Dư nợ tín dụng ngắn hạn tăng 6% so cùng kỳ.

3. Thị trường chứng khoán:

Tính đến ngày 17/4 tổng số chứng khoán giao dịch khớp lệnh là 310 gồm 305 cổ phiếu và 5 chứng chỉ quỹ. Tổng giá trị niêm yết toàn thị trường đạt 274.875 tỷ đồng, tăng 3,8% so với đầu năm, trong đó: cổ phiếu đạt 203.445 tỷ đồng, chiếm 74%,

trái phiếu đạt 68.669 tỷ đồng, chiếm 25%, chứng chỉ quỹ đạt 2.761 tỷ đồng, chiếm 1%. Giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết đạt 662.072 tỷ đồng, tăng 45,5% so đầu năm. VN-index tại thời điểm báo cáo đạt 472,84 điểm, tăng 34,5% so đầu năm, tương ứng tăng 121,3 điểm.

- Khối lượng giao dịch của 17 ngày đầu tháng 4 đạt 953,1 triệu chứng khoán,



giảm 5,4% so tháng 3, bình quân mỗi phiên có 86,6 triệu chứng khoán được chuyển nhượng với giá trị đạt 1.322,5 tỷ đồng. Khối lượng giao dịch cổ phiếu đạt 905,8 triệu cổ phiếu, giảm 0,2% so tháng trước; khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 854,2 triệu chứng khoán, giảm 2% so tháng trước; khối lượng giao dịch thỏa thuận đạt 98,9 triệu chứng khoán, giảm 27,3% so tháng trước. Lũy kế từ đầu năm khối lượng giao dịch đạt 4.647,7 triệu chứng khoán, tăng 98,8% so cùng kỳ. Trong đó khối lượng giao dịch cổ phiếu đạt 4.355,7 triệu cổ phiếu, tăng 88,5% so cùng kỳ; khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 3.876,8 triệu chứng khoán, tăng 92,7%.

- Giá trị giao dịch của 17 ngày đầu tháng 4 đạt 14.547,5 tỷ đồng, giảm 9,9% so tháng trước và tăng 141,5% so cùng kỳ. Trong đó: giá trị giao dịch của các cổ phiếu đạt 13.852,2 tỷ đồng, chiếm 95,2%, tăng 130,6% so cùng kỳ; giá trị giao dịch khớp lệnh đạt 12.161,4 tỷ đồng, chiếm 83,6% tổng giá trị giao dịch, tăng 170% so cùng kỳ. Lũy kế từ đầu năm tổng giá trị giao dịch đạt 71.462,4 tỷ đồng, tăng 29,3% so cùng kỳ. Trong đó giá trị giao dịch cổ phiếu đạt 66.606,1 tỷ đồng, tăng 21,5%; giá trị giao dịch khớp lệnh đạt 53.874,7 tỷ đồng, tăng 17,1%.

Giao dịch chứng khoán trên thị trường niêm yết

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	17 ngày tháng 4	Lũy kế đến tháng 4	Tháng 4 so tháng 3	4 tháng so cùng kỳ
Tổng khối lượng giao dịch (triệu CK)	953,1	4.647,7	94,6	198,8
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	905,8	4.355,7	99,8	188,5
Trái phiếu	-	9,5	-	390,9
Chứng chỉ quỹ	47,3	282,5	49,3	1.161,9
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	854,2	3.876,8	98,0	192,7
Giao dịch thỏa thuận	98,9	770,9	72,7	237,0
Tổng giá trị giao dịch (tỷ đồng)	14.547,5	71.462,4	90,1	129,3
<i>Chia theo loại chứng khoán:</i>				
Cổ phiếu	13.852,2	66.606,1	96,3	121,5
Trái phiếu	-	852,3	-	402,0
Chứng chỉ quỹ	695,3	4.004,0	48,4	1.894,6
<i>Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
Giao dịch khớp lệnh	12.161,4	53.874,7	97,3	117,1
Giao dịch thỏa thuận	2.386,1	17.587,7	65,5	189,8

VIII. VĂN HÓA XÃ HỘI

1. Y tế

- **Bệnh sốt xuất huyết:** Tổng số ca sốt xuất huyết 3 tháng đầu năm là 2.298 ca, giảm 17,6% (giảm 490 ca) so với cùng kỳ năm 2011; trong đó có 03 ca tử vong, tăng 2 ca so năm trước. Riêng trong tháng 03 số ca mắc sốt xuất huyết là 592 ca, giảm 20,1% (giảm 149 ca) so với tháng trước và tăng 31,3% (tăng 141 ca) so với cùng kỳ năm trước. Ngành y tế thành phố vẫn tiếp tục công tác kiểm tra, giám sát phòng chống dịch tại các phường, xã có số ca mắc cao và hỗ trợ phun thuốc phòng chống dịch tại các quận, huyện và các bệnh viện trong thành phố.

- **Bệnh tay chân miệng:** Số ca mắc bệnh tay chân miệng 03 tháng đầu năm là 1.742 ca, gấp 2,9 lần (tăng 1.146 ca) cùng kỳ năm trước, trong đó có 2 ca tử vong. Bệnh xuất hiện rải đều ở tất cả các quận/huyện trên địa bàn thành phố nhiều nhất ở Quận 8, Quận Bình Tân và Huyện Bình Chánh. Trong tháng 3 và 4 ngành chức năng tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện kế hoạch truyền thông và khử khuẩn phòng chống tay chân miệng trên toàn thành phố.

+ **Các dịch bệnh khác:** bệnh thủy đậu 117 ca, xấp xỉ cùng kỳ, trong đó có 1 ca tử vong. Bệnh quai bị 101 ca, tăng gấp 3 lần so cùng kỳ năm trước, đã có 11 ca nhiễm bệnh viêm não mô cầu.

- **Vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP):** Từ đầu năm đến 15/03, không có vụ ngộ độc thực phẩm nào trên địa bàn thành phố

2. Tình hình trật tự an toàn xã hội

- Vi phạm kinh tế, môi trường (từ ngày 21/02 đến 20/03)

Đã phát hiện và xử lý 53 vụ vi phạm kinh tế trong đó bao gồm: kinh doanh hàng hóa trái phép, trốn thuế (02 vụ); mua bán hàng cấm (15 vụ); kinh doanh hàng nhập lậu (23 vụ); kinh doanh hàng giả (13 vụ); thu giữ hàng hóa trị giá khoảng 1,9 tỷ đồng.

Phát hiện 31 trường hợp vi phạm môi trường tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh, giết mổ gia súc, chế biến thực phẩm, các công ty, doanh nghiệp thu gom chất thải và các hệ thống xử lý chất thải.

- Phạm pháp hình sự (từ ngày 21/02 đến 20/03)

Đã xảy ra 399 vụ phạm pháp hình sự, so với cùng kỳ năm trước giảm 48 vụ; làm chết 06 người, bị thương 40 người, thiệt hại tài sản trị giá trên 6,9 tỷ đồng. Chủ yếu là: giết người (5 vụ), cướp tài sản (38 vụ), cướp giật (112 vụ), cố ý gây thương tích (30 vụ), trộm cắp tài sản (183 vụ) ... Đã điều tra khám phá 283 vụ, bắt 400 người vi phạm.

Tình hình hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội (từ ngày 21/02 đến 20/03)

* **Ma túy:** phát hiện 144 vụ vi phạm, trong đó: mua bán – tàng trữ 80 vụ, sử dụng trái phép chất ma túy 64 vụ. Đã khởi tố 76 vụ với 104 người; xử lý hành chính 40 vụ với 141 người. Lập hồ sơ tập trung 103 người nghiện vào trung tâm cai nghiện, cơ sở chữa bệnh và giáo dục tại phường/xã.

* **Mại dâm và tệ nạn xã hội khác:** Đã triệt phá 05 ổ mại dâm lợi dụng kinh doanh nhà trọ, khách sạn để hoạt động, bắt giữ 24 người tổ chức môi giới và gái mại dâm. Chuyển cho ngành thương binh xã hội cải tạo tập trung 03 gái mại dâm, 108 đối tượng lang thang, xin ăn, 265 đối tượng nghiện ma túy. Kiểm tra lập biên bản 640 cơ sở dịch vụ giải trí vi phạm quy định.

* **Cờ bạc, cá độ:** Đã lập hồ sơ xử lý 172 vụ tổ chức cờ bạc với 885 người tham gia, thu giữ trên 632 triệu đồng và nhiều hiện vật.

- Trật tự an toàn giao thông (từ ngày 21/02 đến 20/03)

Trong tháng trên địa bàn thành phố xảy ra 44 vụ tai nạn giao thông đường bộ so với tháng trước tăng 22,2% (tăng 8 vụ), so với cùng kỳ năm trước giảm 25,4% (giảm 15 vụ); làm chết 42 người, bị thương 13 người, làm hư hỏng 60 xe các loại, ngoài ra có 421 vụ va chạm thiệt hại không đáng kể.

Đã lập biên bản hành chính 181,7 ngàn trường hợp vi phạm trật tự an toàn giao thông, tạm giữ 18.123 xe các loại, tước giấy phép lái xe 11.523 trường hợp, xử lý 9.849 trường hợp vi phạm về đội nón bảo hiểm,... chuyển kho bạc nhà nước trên 40 tỷ đồng.

- Về tình hình cháy, nổ (từ ngày 16/02 đến 15/03)

Trên địa bàn thành phố đã xảy ra 17 vụ cháy so với tháng trước tăng 54,5% (tăng 06 vụ), so với cùng kỳ năm trước tăng 112,5% (tăng 09 vụ); làm chết 01 người, bị thương 02 người, thiệt hại về tài sản trị giá khoảng 288,6 triệu đồng (trong đó có 08 vụ chưa ước tính được thiệt hại). Nguyên nhân cháy chủ yếu là do sự cố về điện, sự cố trong sử dụng gas, ...

3. Kết quả giải quyết việc làm:

Trong tháng 4, thành phố đã giải quyết việc làm cho 29,4 ngàn lượt người, tăng 43,3% so tháng trước, trong đó lao động có việc làm ổn định là 20.186 người, Số chỗ việc làm mới tạo ra là 12.002 chỗ làm. Từ đầu năm đến nay, thành phố đã giải quyết việc làm cho 97,9 ngàn lượt lao động, đạt 36,9% kế hoạch năm. Trong đó, lao động có việc làm ổn định là 69,8 người, chiếm tỉ lệ 71,3% so với số lao động được giải quyết việc làm. Số chỗ việc làm mới tạo ra là 40,1 chỗ làm, đạt 32,1% kế hoạch năm.

Từ ngày 12/03/2012 đến ngày 13/04/2012, trên địa bàn thành phố đã có: 18,9 ngàn người lao động đến Trung tâm giới thiệu việc làm thành phố đăng ký thất nghiệp; 14,4 ngàn lượt người đã nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp; 15 ngàn người đã nhận quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp.

Trên đây là một số chỉ tiêu cơ bản về tình hình kinh tế xã hội của thành phố trong tháng 4 và 4 tháng đầu năm 2012.